



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 42



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 24 người. Trong đó nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Mai Hồng Hạnh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/02/2022 |
| • Ông Nguyễn Ái Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2019 |
| | | Miễn nhiệm ngày 20/01/2022 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Công ty là Bà Mai Hồng Hạnh ký Báo cáo tài chính căn cứ theo Giấy ủy quyền số 42/QĐ – TC ngày 17/02/2022.

Phó Tổng Giám đốc



Mai Hồng Hạnh

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 235/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 12/03/2022 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.278.265.534	70.386.485.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.705.138.430	14.461.293.328
1. Tiền	111		9.705.138.430	5.753.763.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.707.529.972
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.154.644.442	4.631.036.755
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	4.229.511.016	5.486.543.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(74.866.574)	(855.506.337)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.677.756.640	22.972.718.461
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	16.134.991.248	13.828.376.184
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	530.877.786	1.561.902.585
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	-	7.450.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.241.229.862	1.256.260.515
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.229.342.256)	(1.123.820.823)
IV. Hàng tồn kho	140	12	53.378.649.123	27.877.016.537
1. Hàng tồn kho	141		53.702.110.359	28.474.861.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(323.461.236)	(597.845.277)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		362.076.899	444.420.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	16.021.249	26.961.137
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	99.622.057	243.330.403
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	246.433.593	174.129.053
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			40.533.211.868	39.263.087.026
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.857.122.014	25.467.398.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	19.388.965.142	18.999.241.719
- Nguyên giá	222		29.079.124.862	28.171.088.723
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.690.159.720)	(9.171.847.004)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.700.000)	(77.700.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.055.934.273	6.977.162.114
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.b	6.055.934.273	4.977.162.114
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.c	2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.620.155.581	6.818.526.321
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	6.074.086.874	6.140.584.253
2. Lợi thế thương mại	269		546.068.707	677.942.068
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124.811.477.402	109.649.5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. Nợ phải trả	300		58.744.991.075	41.184.709.849
I. Nợ ngắn hạn	310		49.858.127.443	31.443.339.004
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	28.702.412.023	17.292.920.018
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	10.065.920.957	1.474.005.303
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	14	334.220.461	187.548.805
4. Phải trả người lao động	314		2.381.441.619	5.158.129.296
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.085.807.527	3.118.693.485
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	213.157.420	254.447.173
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	7.318.992.512	4.204.400.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(243.825.076)	(246.805.076)
II Nợ dài hạn	330		8.886.863.632	9.741.370.845
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	20.000.000	41.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	8.866.863.632	9.697.173.541
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	3.197.304
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.066.486.327	68.464.862.851
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.066.486.327	68.464.862.851
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2.248.359.370	2.248.359.370
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	5.189.073.577	5.154.838.802
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	6.537.552.142	8.827.488.286
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.750.253.511	5.446.101.562
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.787.298.631	3.381.386.724
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11.401.375.142	11.544.050.297
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		124.811.477.402	109.649.572.700



Phó Tổng Giám đốc

Mai Hồng Hạnh

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	151.458.346.599	167.558.727.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.743.973.777	1.921.348.205
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		149.714.372.822	165.637.378.888
4. Giá vốn hàng bán	11	25	133.420.026.739	142.931.828.194
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		16.294.346.083	22.705.550.694
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.770.976.726	2.896.578.736
7. Chi phí tài chính	22	27	728.607.366	43.202.043
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.509.247.129	137.270.875
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		578.772.159	(22.837.886)
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	9.032.417.610	12.834.135.533
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	6.657.963.677	7.937.377.580
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.225.106.315	4.764.576.388
12. Thu nhập khác	31	29	714.181.743	155.464.153
13. Chi phí khác	32	30	115.345.891	183.750.157
14. Lợi nhuận khác	40		598.835.852	(28.286.004)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.823.942.167	4.736.290.384
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	455.259.995	549.694.426
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.197.304)	3.197.304
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.371.879.476	4.183.398.654
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		1.787.298.631	3.381.386.724
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		584.580.845	802.011.930
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	442	836
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	442	836



Mai Hồng Hạnh

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.823.942.167	4.736.290.384
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí thuê đất	02	1.257.197.978	878.013.199
- Các khoản dự phòng	03	(949.502.371)	591.007.602
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.594.786.862)	(2.382.773.768)
- Chi phí lãi vay	06	1.509.247.129	137.270.875
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	3.046.098.041	3.959.808.292
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.123.436.664)	2.624.166.875
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(25.227.248.545)	(7.113.813.409)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.079.058.711	(6.061.071.467)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(48.483.725)	(39.103.538)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.257.032.076	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.508.847.485)	(121.570.757)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(338.955.521)	(524.258.646)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.980.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(7.834.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.861.803.112)	(7.283.677.168)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.389.127.048)	(11.042.691.372)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	45.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.250.000.000)	(8.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	13.700.000.000	11.350.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(500.000.000)	(5.070.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	985.294.114	2.473.251.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.591.621.611	(11.089.439.916)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	36.554.531.059	41.336.273.541
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(34.270.248.456)	(27.589.700.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.770.256.000)	(365.161.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.485.973.397)	13.381.412.217
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.756.154.898)	(4.991.704.867)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.461.293.328	19.452.998.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.705.138.430	14.461.293.328


M.S.D.N: 0303280405 - C.T. P.
CÔNG TY
SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 8, TP. HỒ CHÍ MINH

Mai Hồng Hạnh

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên kết:

- Các công ty con
 - ✓ Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 79,36%
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
- Công ty liên kết
 - ✓ Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Tỷ lệ sở hữu: 25%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục - Trường mầm non Quốc tế Việt Mỹ. Đây là Công ty liên kết do Công ty con (Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long) sở hữu 50% vốn góp.

Địa chỉ: Lầu 1 số 64 Đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính: Giáo dục mẫu giáo.

1.6. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội,... Do đó mà tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Công ty liên kết

Các công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
- ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với hoạt động xuất bản: Áp dụng mức thuế suất 10%
 - ✓ Đối với hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất là 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	384.437.320	449.741.978
Tiền gửi ngân hàng	9.320.701.110	5.304.021.378
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	8.707.529.972
Cộng	9.705.138.430	14.461.293.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	4.229.511.016	5.160.658.000	74.866.574	5.486.543.092	5.433.736.760	855.506.337
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	4.013.520.000	-	3.044.031.947	3.822.400.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	112.000	-	95.578	99.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	-	-	-	303.271.470	327.600.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	25.800.000	10.565.340	36.365.340	11.100.000	25.265.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	928.560.000	64.301.234	992.861.234	438.000.000	554.861.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	516.670	1.566.000	-	954.277.275	719.877.760	234.399.515
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	191.100.000	-	155.640.248	114.660.000	40.980.248
Cộng	4.229.511.016	5.160.658.000	74.866.574	5.486.543.092	5.433.736.760	855.506.337

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	184.000	1.257.032.075
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	-	-	23.400	303.271.470
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	-	-	160.600	953.760.605
Cộng	-	-	184.000	1.257.032.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tình hình hoạt động	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đang hoạt động	25%	500.000	5.555.934.273	4.977.162.114
Đang giai đoạn đầu tư	50%	-	500.000.000	-
Cộng			6.055.934.273	4.977.162.114

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục - Trường mầm non
Quốc tế Việt Mỹ

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	31/12/2021		01/01/2021						
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	1,84%	1,84%	2.000.000.000	-
Cộng				2.000.000.000	-			2.000.000.000	-

(*) Cổ phiếu của Công ty nhận đầu tư này chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về giá thị trường của khoản cổ phiếu nêu trên. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty nhận đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	524.653.847	1.058.156.207
Nhà sách Minh Đức	593.134.813	254.364.945
Nhà sách Hoàng Sơn	1.553.711.536	-
Nhà sách Kim Ngân	1.349.249.717	1.247.519.687
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	390.236.848	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	572.140.076	-
Công ty TNHH TM & DV Văn Hóa Hương Trang	857.757.170	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	-	244.191.800
BQL Dự án ĐT XDCB Huyện Trà ôn	329.420.000	-
Các đối tượng khác	9.413.280.719	11.024.143.545
Cộng	16.134.991.248	13.828.376.184

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	13.025.100
Công ty CP Học liệu (EMCO)	11.665.401	1.094.801
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	38.150.527	234.406.795
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	-	244.191.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	279.253.710	129.163.310
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	96.946.884	-
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	8.821.918	-
Cộng	434.838.440	621.881.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	250.275.347	1.519.973.402
Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam	166.879.231	-
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Phương Đông	36.511.182	36.511.182
Các đối tượng khác	77.212.026	5.418.001
Cộng	530.877.786	1.561.902.585

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2021	01/01/2021
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	17.719.518	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	250.275.347	1.519.973.402
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	73.180.534	-
Cộng	341.175.399	1.519.973.402

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)	-	7.450.000.000
Cộng	-	7.450.000.000

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	14.733.956	-
Tạm ứng	298.273.949	-	792.790.285	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	910.037.828	-	406.739.807	-
Phải thu khác	32.918.085	29.000.000	41.996.467	29.000.000
Cộng	1.241.229.862	29.000.000	1.256.260.515	29.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	929.897.095	915.556.813
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	273.945.161	22.851.325
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.500.000	185.412.685
Cộng	<u>1.229.342.256</u>	<u>1.123.820.823</u>

12. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	590.076.930	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.484.364	-	22.440.567	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.013.669.195	-	1.173.787.221	-
Thành phẩm	6.516.160.606	229.470.135	5.811.300.531	448.921.382
Hàng hóa	46.149.796.194	93.991.101	20.877.256.565	148.923.895
Cộng	<u>53.702.110.359</u>	<u>323.461.236</u>	<u>28.474.861.814</u>	<u>597.845.277</u>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021 là 323.461.236 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2021.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.722.506	9.090.790
Chi phí bảo hiểm	13.298.743	13.423.681
Phần mềm quản lý	-	4.446.666
Cộng	<u>16.021.249</u>	<u>26.961.137</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	253.961.467	195.921.743
Chi phí thi công sửa chữa	27.759.575	26.375.686
Tiền thuê đất trả trước dài hạn (*)	5.792.365.832	5.918.286.824
Cộng	6.074.086.874	6.140.584.253

(*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long thuê đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067, diện tích đất thuê là 611,2 m² thuộc thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Theo đó Công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê là 50 năm với số tiền 6.264.188.800 đồng. Mục đích sử dụng đất thuê: Thương mại, dịch vụ (TMD).

14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu/Còn được khấu trừ	Phải nộp			Phải thu/Còn được khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT	243.330.403	80.609.151	1.510.910.945	1.374.769.226	99.622.057	73.042.524
Thuế TNDN	168.454.545	85.198.767	455.259.995	338.955.521	214.147.376	247.196.072
Thuế TNCN	4.174.508	21.740.887	418.705.612	428.056.935	5.766.809	13.981.865
Tiền thuê nhà, thuê đất	-	-	137.776.670	164.296.078	26.519.408	-
Các loại thuế khác	1.500.000	-	15.000.000	13.500.000	-	-
Cộng	417.459.456	187.548.805	3.154.692.320	2.965.700.182	346.055.650	334.220.461

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.558.211.220	291.654.620	4.474.128.302	689.390.093	157.704.488	28.171.088.723
Mua sắm trong năm	-	55.000.000	1.254.231.957	79.895.091	-	1.389.127.048
Giảm trong năm	-	-	481.090.909	-	-	481.090.909
Số cuối năm	22.558.211.220	346.654.620	5.247.269.350	769.285.184	157.704.488	29.079.124.862
Khấu hao						
Số đầu năm	6.059.003.727	95.564.458	2.780.754.331	78.820.000	157.704.488	9.171.847.004
Khấu hao trong năm	625.034.108	36.945.986	276.366.511	61.057.020	-	999.403.625
Giảm trong năm	-	-	481.090.909	-	-	481.090.909
Số cuối năm	6.684.037.835	132.510.444	2.576.029.933	139.877.020	157.704.488	9.690.159.720
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.499.207.493	196.090.162	1.693.373.971	610.570.093	-	18.999.241.719
Số cuối năm	15.874.173.385	214.144.176	2.671.239.417	629.408.164	-	19.388.965.142

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 4.075.278.374 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 159.871.143 đồng.

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	77.700.000	77.700.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	77.700.000	77.700.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: Dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 77.700.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	6.335.613.765	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.642.946.038	2.456.560.360
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.408.226.424	15.476.700
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	4.211.062.035	4.777.613.580
Công ty Cổ phần sách và thiết bị giáo dục Miền Nam	7.033.643.770	1.489.566.239
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	-	1.784.686.833
Các đối tượng khác	5.070.919.991	6.769.016.306
Cộng	28.702.412.023	17.292.920.018

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	4.211.062.035	4.777.613.580
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	-	477.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	165.015.143	123.139.633
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	-	30.422.728
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	39.533.720	30.916.480
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.408.226.424	15.476.700
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	408.365.093	146.627.593
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	84.023.250	125.893.800
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	64.111.745	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	81.822.000	67.957.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	-	546.120.250
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	7.033.643.759	1.489.566.239
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	93.555.821	44.893.881
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.642.946.038	2.456.560.360
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	-	1.784.686.833
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	6.335.613.765	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	36.069.120
Công ty CP Sách - TBTH TP. Hồ Chí Minh	639.773	334.022.923
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	42.190.200
Các đối tượng khác	-	38.684.890
Cộng	24.568.558.566	12.091.319.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	2.080.804.551	696.476.550
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	1.802.159.516	10.211.056
Phòng giáo dục và đào tạo Long Thành	611.967.308	-
Phòng Giáo dục và Đào tạo Định Quán	-	1.512.851
Trạm phát hành Định Quán	1.813.954.243	-
Các đối tượng khác	3.757.035.339	765.804.846
Cộng	10.065.920.957	1.474.005.303

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí bản thảo, biên tập	249.481.000	249.481.000
Chi phí hoa hồng môi giới	755.226.765	2.780.772.367
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	-	5.000.000
Chi phí tiền vận chuyển	-	2.740.000
Chi phí phải trả lãi vay	16.099.762	15.700.118
Chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	1.085.807.527	3.118.693.485

20. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	1.057.688	736.600
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	200.895
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	43.000.000
Thù lao phải trả cho HĐQT	19.950.000	71.000.000
Phải trả khác	146.946.232	137.306.178
Cộng	213.157.420	254.447.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.000.000	41.000.000
Cộng	20.000.000	41.000.000

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	4.100.000.000	35.916.804.600	33.711.303.000	6.305.501.600
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Nai	4.100.000.000	8.000.000.000	10.100.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	-	23.916.804.600	20.611.303.000	3.305.501.600
- Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (*)	-	4.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	104.400.000	1.468.036.368	558.945.456	1.013.490.912
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	74.400.000	1.438.036.368	528.945.456	983.490.912
Cộng	4.204.400.000	37.384.840.968	34.270.248.456	7.318.992.512

(*) Nợ gốc vay ngắn hạn Công ty CP Đầu tư CMC tại 31/12/2021 là 1 tỷ đồng. Đây là khoản nợ mà công ty mẹ vay theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/CMC-SGD ngày 13/05/2021, lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay từ 13/05/2021 đến 13/05/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	9.801.573.541	1.237.436.459	1.158.655.456	9.880.354.544
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long (*)	102.500.000	599.710.000	629.710.000	72.500.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long (**)	9.699.073.541	637.726.459	528.945.456	9.807.854.544
Cộng	9.801.573.541	1.237.436.459	1.158.655.456	9.880.354.544
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	104.400.000			1.013.490.912
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.697.173.541			8.866.863.632

(*) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng cho vay số 49.15/2019-HĐCVTL ngày 25/04/2019 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 150.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 238/HĐTD-VLO.KH ngày 04/06/2020 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 374.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động quản lý.
- Hợp đồng cho vay số 295/HĐTD-VLO.KH ngày 15/06/2020 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 10.000.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí xây dựng hình thành tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2020	41.370.000.000	2.248.038.395	(679.873.904)	5.103.942.015	5.496.043.467
Điều chỉnh hợp nhất		320.975	-	398.343	556.539
Tăng trong năm	-	-	-	50.498.444	3.381.386.724
Giảm trong năm	-	-	-	-	50.498.444
Số dư tại 31/12/2020	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.154.838.802	8.827.488.286
Số dư tại 01/01/2021	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.154.838.802	8.827.488.286
Tăng trong năm	-	-	-	34.234.775	1.787.298.631
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.077.234.775
Số dư tại 31/12/2021	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.189.073.577	6.537.552.142

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.827.488.286	5.496.043.467
Lợi nhuận sau thuế năm này	1.787.298.631	3.381.386.724
Điều chỉnh do hợp nhất	-	556.539
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.077.234.775	50.498.444
- Trích quỹ đầu tư phát triển	34.234.775	50.498.444
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	6.537.552.142	8.827.488.286

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	72.156.739.834	91.191.391.415
Doanh thu bán hàng hóa	78.652.818.537	74.870.841.297
Doanh thu dịch vụ	315.000.003	569.648.186
Doanh thu khác	333.788.225	926.846.195
Cộng	151.458.346.599	167.558.727.093

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Hàng bán bị trả lại	788.691.460	346.482.089
Chiết khấu thương mại	955.282.317	1.574.866.116
	1.743.973.777	1.921.348.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	65.747.074.768	78.622.939.170
Giá vốn của hàng hóa	67.817.680.637	63.066.983.785
Giá vốn hoạt động khác	129.655.375	654.245.496
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.384.041)	587.659.743
Cộng	133.420.026.739	142.931.828.194

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	488.182.158	1.433.901.654
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	404.178.000	899.110.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	553.350.868	490.967.082
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	247.065.700	-
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	78.200.000	72.600.000
Cộng	1.770.976.726	2.896.578.736

27. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(780.639.763)	(94.068.832)
Chi phí lãi vay	1.509.247.129	137.270.875
Cộng	728.607.366	43.202.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền lương, các khoản trích theo lương	4.503.636.722	5.627.356.505
Chi phí vận chuyển	1.246.885.267	2.393.010.640
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	261.616.555	2.473.519.069
Các khoản khác	3.020.279.066	2.340.249.319
Cộng	9.032.417.610	12.834.135.533

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền lương, các khoản trích theo lương	3.571.416.695	4.102.648.975
Khấu hao TSCĐ	528.440.509	398.232.118
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	269.548.113	236.889.081
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	105.521.433	97.416.691
Các khoản khác	2.183.036.927	3.102.190.715
Cộng	6.657.963.677	7.937.377.580

29. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	45.454.545	-
Thu nhập khác	668.727.198	155.464.153
Cộng	714.181.743	155.464.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Chi thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành	-	32.400.000
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	791.432	1.956.648
Các khoản khác	114.554.459	149.393.509
Cộng	115.345.891	183.750.157

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.823.942.167	4.736.290.384
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	7.401.713	(597.879.991)
- Các khoản điều chỉnh tăng	990.351.872	301.230.009
+ Chi phí lãi vay không được trừ	704.849.193	-
+ Lợi thế thương mại phân bổ	131.873.361	131.873.361
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	130.000.000	135.000.000
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	791.432	1.956.648
+ Hoàn nhập dự phòng tại công ty liên kết	22.837.886	-
+ Các khoản khác	-	32.400.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	982.950.159	899.110.000
+ Cổ tức được chia	404.178.000	899.110.000
+ Lãi tại Công ty liên doanh, liên kết	578.772.159	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.831.343.880	4.138.410.393
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	455.259.995	549.694.426
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	566.268.776	827.682.078
- Chi phí thuế TNDN được giảm	(115.848.496)	(248.304.623)
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	4.839.715	(29.683.029)

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.787.298.631	3.381.386.724
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.787.298.631	3.381.386.724
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.043.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	442	836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	267.899.884	1.502.507.553
Chi phí nhân công	8.075.053.417	9.730.005.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	999.403.625	620.218.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.434.450.435	5.928.904.162
Chi phí khác bằng tiền	3.796.106.068	3.754.005.618
Cộng	15.572.913.429	21.535.641.659

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.702.412.023	-	28.702.412.023
Chi phí phải trả	1.085.807.527	-	1.085.807.527
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	7.318.992.512	8.866.863.632	16.185.856.144
Phải trả khác	212.099.732	20.000.000	232.099.732
Cộng	37.319.311.794	8.886.863.632	46.206.175.426
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	17.292.920.018	-	17.292.920.018
Chi phí phải trả	3.118.693.485	-	3.118.693.485
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	4.204.400.000	9.697.173.541	13.901.573.541
Phải trả khác	253.509.678	41.000.000	294.509.678
Cộng	24.869.523.181	9.738.173.541	34.607.696.722

Chủ tịch HĐQT cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	9.705.138.430	-	9.705.138.430
Phải thu khách hàng	14.934.648.992	-	14.934.648.992
Đầu tư tài chính	4.154.644.442	2.000.000.000	6.154.644.442
Phải thu khác	913.955.913	-	913.955.913
Cộng	29.708.387.777	2.000.000.000	31.708.387.777
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	14.461.293.328	-	14.461.293.328
Phải thu khách hàng	12.733.555.361	-	12.733.555.361
Phải thu về cho vay	7.450.000.000	-	7.450.000.000
Đầu tư tài chính	4.631.036.755	2.000.000.000	6.631.036.755
Phải thu khác	434.470.230	-	434.470.230
Cộng	39.710.355.674	2.000.000.000	41.710.355.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	163.277.724	479.827.521
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	16.193.927	13.025.100
Công ty CP Học liệu (EMCO)	10.570.600	16.415.300
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	108.247.560	275.326.320
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	28.126.277	68.848.600
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	219.953.320	1.321.703.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	309.728.806	921.876.154
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	13.332.480
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	37.255.830	250.361.534
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	88.039.160	247.963.358
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	1.103.161.590	3.281.035.470
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	157.694.677	278.162.041
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	129.466.257	133.419.096
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.022.749.380	943.384.450
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	24.753.516	231.623.680
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	113.006.201	-
Mua hàng		
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	6.192.903.480	10.099.208.120
Công ty CP Sách Dân tộc	41.875.510	33.384.715
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	58.800.000	33.815.060
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	8.028.000	128.268.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	44.147.880	88.075.560
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	35.388.202.919	22.720.662.172
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	97.063.800
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	26.676.120
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	816.867.100
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	112.213.970	298.973.149
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	993.751.834	820.250.860
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	-	11.166.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	231.822.000	432.548.960
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	13.102.500.176	12.951.411.763
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	56.691.069.547	40.947.523.094
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	892.440.660	2.213.136.660
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.843.327.060	10.865.060.579
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	30.456.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	203.835.235	345.539.800
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	77.004.340	-
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	-	30.150.083.890
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	31.932.946.554	-

07/12/21
TY
.H
KẾ TO
C
P.Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty liên quan	Năm 2021	Năm 2020
Cho vay		
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	1.500.000.000	1.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	7.450.000.000	2.550.000.000
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	1.500.000.000	1.000.000.000
Vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	4.000.000.000	-
Trả nợ vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	3.000.000.000	-

c. Thù lao của HĐQT

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	33.000.000	44.000.000
Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	9.000.000	12.000.000
Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	9.000.000	12.000.000
Ngô Anh Phương	Ủy viên	21.000.000	28.000.000
Lê Thị Tuyết Minh	Ủy viên	9.000.000	12.000.000

d. Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Nguyễn Ái Bình	Phó Tổng Giám đốc	153.356.000	319.649.000
Ngô Trọng Vinh	Phó Giám đốc	279.098.000	318.130.000
Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	267.261.000	326.375.000

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 10%) vào ngày 07/03/2022, thời gian thực hiện: 21/03/2022.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.



Phó Tổng Giám đốc

Mai Hồng Hạnh

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

